

GẠCH CHỮ HÁN THỜI LÊ SƠ Ở KINH ĐÔ THĂNG LONG

NGÔ THỊ LAN*

Năm 2025 - 2026, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ “*Nghiên cứu gạch, ngói thế kỷ XV - XVIII ở Kinh đô Thăng Long qua các phát hiện khảo cổ học đến năm 2025*”, chúng tôi đã nghiên cứu hệ thống toàn bộ gạch, ngói thế kỷ XV - XVIII phát hiện được ở Kinh đô Thăng Long. Bên cạnh nhiều nội dung cần nghiên cứu, trao đổi và làm sáng rõ hơn các nghiên cứu trước đó, chúng tôi quan tâm đến những viên gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ. Đây là loại hình di vật cung cấp nhiều thông tin thú vị trên các khía cạnh khác nhau. Những viên gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ khi đối chiếu với nguồn sử liệu cho chúng ta biết rõ nguồn gốc, niên đại, trình độ sản xuất, người thợ làm ra chúng và nhiều thông điệp thú vị khác. Đây cũng chính là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu nhằm tìm ra các đặc điểm chung nhất góp phần phân loại và xác định niên đại cho những viên gạch không trang trí hoa văn và không có ký tự chữ Hán thế kỷ XV - XVIII. Trong khi các nghiên cứu trước đây về gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ (Đỗ Văn Ninh 2006; Nguyễn Đình Chiến 2008; Phạm Lê Huy, Đỗ Đức Tuệ 2017; Nguyễn Thắng, Thân Văn Tiệp 2020, Ngô Văn Cường 2021) chủ yếu tập trung vào nội dung chữ Hán mà dường như ít chú ý đến những đặc điểm chung cơ bản của chúng trên các khía cạnh về kích thước, chất liệu, màu sắc, kỹ thuật chế tác và loại hình nhằm hướng tới việc phân loại và xác định niên đại của các loại gạch cùng loại khác. Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu, nghiên cứu đối sánh với nguồn sử liệu nhằm hướng tới việc tìm hiểu nội dung phản ánh và đặc trưng cơ bản của những viên gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ. Đối chiếu với tư liệu địa tầng trong một số vết tích kiến trúc ở một vài địa điểm thuộc phạm vi Thăng Long cũng như những viên gạch có chữ Hán ở các địa điểm khác ngoài Thăng Long nhằm góp phần làm rõ hơn đặc trưng và giá trị của gạch. Kết quả nghiên cứu đã đạt được những kết quả khả quan trong việc phân loại, xác định rõ hơn niên đại của gạch; Đánh giá giá trị của những viên gạch có ký tự chữ Hán và góp phần nhận diện móng nền kiến trúc cũng như hiểu thêm về lịch sử văn hóa Thăng Long thời Lê sơ.

1. Nội dung phản ánh và đặc trưng cơ bản của gạch chữ Hán thời Lê sơ

Gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ thường được phát hiện thấy tại các địa điểm Hoàng thành Thăng Long (điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Khu vực xây nhà Quốc hội mới, 18 Hoàng Diệu, 36 Điện Biên Phủ, 62 - 64 Trần Phú) và các khu vực dân Nam Giao, đàn Xã Tắc. Thống kê sơ bộ có gần 400 viên gạch có ký tự chữ Hán niên đại thời Lê sơ. Những viên gạch này phát hiện được thường nằm rải rác trong địa tầng hiếm thấy còn nguyên trong vị trí kiến trúc. Qua đó cho thấy các kiến trúc thời Lê sơ dường như đã bị phá hủy bởi các kiến trúc thời sau đó. Gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ phản ánh nhiều nội dung khác nhau, trong đó nội dung về phiên hiệu, định chế quân đội chỉ thấy có mặt ở các công trình lớn của nhà nước như cung điện, đàn tế ở kinh đô Thăng Long. Các công trình nhỏ, nhân lực và vật lực không nhiều thì không có sự xuất hiện của loại gạch mang nội dung này. Sự xuất hiện

* Viện Khảo cổ học

những viên gạch chữ Hán ở các địa điểm thuộc khu vực trung tâm đã khẳng định vị trí trung tâm Hoàng thành Thăng Long thời Lê sơ. Điều đó phản ánh tính riêng biệt cao cấp của công trình nhà nước - Kinh đô - Trung tâm chính trị kinh tế và văn hóa của nước Đại Việt thời Lê sơ.

Nội dung gạch chữ Hán về phiên hiệu, định chế, đơn vị trong quân đội; Địa danh; Các số đếm, số thứ tự, ngày tháng và các nội dung khác. Trong đó, gạch phản ánh nội dung về địa danh, số thứ tự, số đếm thường được khắc bằng tay trực tiếp khi đất còn ướt mang tính chất tạm thời, ngẫu hứng và không phổ biến. Gạch phản ánh nội dung về phiên hiệu, định chế, đơn vị quân đội hoặc về địa danh được in khuôn rất quy chuẩn có sử liệu ghi chép đến.

1.1. Gạch chữ Hán phản ánh nội dung về tên phiên hiệu, định chế, đơn vị trong quân đội

1.1. Đây là loại gạch được sản xuất trực tiếp bởi lực lượng quân đội do nhà nước quản lý. Nói cách khác là những viên gạch có ký tự chữ Hán thuộc nội dung này là sản phẩm do các thợ gốm là lính trong quân đội làm ra. Loại gạch này chiếm số lượng lớn nhất với 313/400 viên gạch có ký tự chữ Hán thời Lê sơ. Chữ Hán thường được in khuôn hoặc khắc tay trực tiếp trong đó kỹ thuật in khuôn là chủ yếu. Chữ Hán được in trên mặt phẳng, mịn ở vị trí trên mặt, cạnh hoặc đầu viên gạch. Số lượng chữ Hán có trên gạch lần lượt là 1, 2, 3, 4 và 9 chữ với các kiểu chữ nổi, chìm, nét to, nét nhỏ, có hoặc không có khung viền quanh. Gạch chủ yếu là gạch chữ nhật xây móng, tường và số ít là gạch hình thang xây vòm cửa và gạch vuông lát nền. Đây là những viên gạch khi đối chiếu với nguồn sử liệu phản ánh niên đại chính xác nhất.

Sau 20 năm chiến tranh chống quân Minh giành độc lập, nhà Lê sơ bắt tay vào xây dựng và củng cố mọi mặt đất nước. Một trong những công việc đó là cuộc chinh đồn quân sự dưới thời vua Lê Thánh Tông. Đối chiếu với dòng sử liệu ghi chép về tên phiên hiệu, định chế trong quân đội trên những viên gạch mà khảo cổ học phát hiện được cho thấy qua hai đợt chinh đồn quân đội dưới thời vua Lê Thánh Tông như sau:

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục - chính biên* cho biết vào tháng 4, mùa hạ năm Bính Tuất (1466) dưới triều vua Lê Thánh Tông đã cho thay đổi xếp đặt lại quân ở 5 phủ và định quân hiệu. Quân đội được sắp xếp ở năm phủ, mỗi phủ sáu vệ, mỗi vệ năm hoặc sáu sở, định lệ quân mỗi sở đều 400 người (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998). Như vậy, tính tổng số quân ở 5 phủ, 30 vệ, 185 sở được sắp xếp lại là 74.000 quân. Trong đó, mỗi phủ có 6 vệ 31 sở với 12.400 quân, riêng phủ Tây quân có 6 vệ 30 sở với 12.000 quân. Nguồn tư liệu khảo cổ học đã cung cấp 141 viên gạch với 17 tên các phiên hiệu quân đội liên quan đến đợt sắp xếp này.

Phủ Trung quân đóng quân tại Nghệ An, Thanh Hóa. Khảo cổ học tìm thấy 22 viên gạch in các chữ Hán liên quan đến phủ quân này. Cụ thể: gạch có chữ 虎威軍 (Hổ Uy quân), Hùng Hổ (雄虎), Thần Hổ (神虎) là tên sở quân thuộc vệ Phụng thần, Thân Đinh là tên sở quân của vệ Hổ Bôn. 天 喂 軍 (Thiên Uy quân) là quân hiệu của sở Thiên Oai vệ Phụng Thánh. Đáng chú ý viên gạch in chữ (Phụng Thánh vệ, Ninh Nhuệ Trung Thánh Dực quân) thuộc vệ Phụng Thánh nhưng các chữ phía sau hiện chưa rõ nghĩa cụ thể (*Hình 1*). Viên gạch chữ nhật in hai chữ 寧 銳 (Ninh Nhuệ) có thể thuộc vệ Phụng Thánh.



Hình 1. Gạch khắc chữ:
捧聖衛寧銳中聖/翊軍
(Phụng Thánh vệ Ninh Nhuệ
Trung Thánh Dực quân)
Địa điểm điện Kính Thiên
(Nguồn: Tác giả)

Phủ Đông quân đóng quân tại khu vực Nam Sách và An Bang. Phủ này có 6 vệ, 31 sở. Khảo cổ học phát hiện thấy 27 viên gạch có chữ liên quan đến phủ quân này. Cụ thể, gạch có chữ 定威軍 (Định Uy quân), 忠威軍 (Trung Uy quân) là quân hiệu của vệ Minh Nghi, 玄戈軍 (Huyền Qua quân) là sản phẩm của sở Huyền Qua (Hình 2), vệ Anh Đức có sở Đầu Đồng, khảo cổ học phát hiện được viên gạch có chữ 銅頭軍 Đồng Đầu quân, vệ Quảng Vũ có sở Tam Phụ, khảo cổ học phát hiện chữ Tam Phụ quân và Tam Tự quân có thể liên quan đến sở quân này.

Phủ Nam quân đóng tại khu vực Thiên Trường và Thuận Hóa. Phủ này có 6 vệ, 31 sở. Khảo cổ học phát hiện thấy 90 viên gạch có chữ liên quan đến phủ quân này. Cụ thể: Gạch có chữ 壯鋒軍 (Tráng Phong quân) (Hình 3), 鋒軍 (Phong quân), 武騎軍 (Vũ Kỳ quân) là tên sở quân thuộc vệ Kiến Huân; 勇捷 (Dũng Tiệp), 神翊 (Thần Dực), 定武軍大 (Định Vũ quân đại) thuộc quân hiệu của vệ Bảo Trung.

Phủ Bắc quân đóng quân ở khu vực Bắc Giang và Lạng Sơn. Phủ này có 6 vệ, 31 sở. Khảo cổ học phát hiện thấy 2 viên gạch có chữ 昭勝軍 (Chiêu Thắng quân) là tên của sở Tiền, thuộc vệ Thanh Sóc.

Phủ Tây quân đóng quân ở Quốc Oai và Hưng Hóa. Phủ này có 6 vệ, 30 sở. Tại địa điểm số 36 Điện Biên Phủ phát hiện thấy viên gạch chữ nhật, bị vỡ còn lại hai chữ in khuôn trong khung viên. TS. Nguyễn Quang Hà (Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long) đọc được chữ 興化 [] [] (Hưng Hóa [] []). Hưng Hóa là tên quân đạo của Đô ty Hưng Hóa. Dưới các Đô ty có các vệ, dưới vệ có sở nhưng số vệ của mỗi đô ty nhiều ít không đều dưới thời Lê Thánh Tông (1467). Gạch có kích thước dày 4,5cm khác với kiểu gạch thuộc nhóm này. Do vậy, gạch có chữ (Hưng Hóa) đề cập ở đây có thể liên quan đến phiên hiệu quân đội thuộc các vệ và sở đóng quân ở Hưng Hóa hay không cần nghiên cứu thêm.

Những viên gạch ghi các phiên hiệu nói trên có đặc điểm chung về chất liệu, màu sắc, kỹ thuật chế tác và loại hình. Gạch thuộc nhóm này không thể sản xuất sớm hơn sự kiện định quân hiệu vào tháng 4 năm 1466.

Chất liệu: Đanh chắc, mịn và khá mịn hoặc hơi thô có lẫn ít sạn sỏi thô hoặc tạp chất. Gạch phổ biến màu đỏ, màu xám rất ít. Ví dụ, thống kê 78 di vật gạch có chữ Hán ở địa điểm số 36 Điện Biên Phủ có 37 gạch màu đỏ đều thuộc nhóm này. Gạch màu đỏ và màu xám liên quan đến kỹ thuật chế tác, nhiệt độ nung. Nhóm gạch có cùng màu sắc cho thấy cùng trình độ sản xuất, chất liệu tốt, chất lượng cao liên quan đến lò quan.



Hình 2. Gạch in chữ: 玄戈軍
(Huyền Qua quân)
Địa điểm 36 Điện Biên Phủ
(Nguồn: Tác giả)



Hình 3. Gạch in chữ
壯鋒軍 (Tráng
phong quân)
Địa điểm 18 Hoàng Diệu
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

Kỹ thuật chế tác: Gạch được làm bằng khuôn, khá vuông thành sắc cạnh. Do được làm bằng khuôn nên một mặt gạch thường để lại vết cắt đất dọc, mặt sau đôi khi bị lõm vồng do ngót. Các cạnh còn lại khá phẳng đều. Kỹ thuật nung khá đều lửa nên màu sắc tương đối đồng đều. Chữ Hán thường được in/khắc trên mặt phẳng, mịn. Trong đó, chữ Hán được in khuôn phổ biến. Kỹ thuật khắc tay trực tiếp khi đất còn ướt chỉ thấy ở một số chữ (Hình Hồ quân, Hùng Hồ, Dũng Tiệp). Khuôn in chữ thường được ấn đều tay nên nét chữ đều, rõ. Đôi khi trên một số viên gạch có cùng nội dung chữ nhưng có chữ mờ chữ rõ là do trong quá trình in khuôn chữ người thợ ấn khuôn không đều tay nên in lại lần hai ở vị trí khác cho rõ hơn. Kích thước khung in trong khoảng (5 - 12 x 3 - 4)cm.

Loại hình: Gạch chủ yếu là gạch chữ nhật và một số viên gạch hình thang. Gạch giữa 5 phủ quân tương đối đồng nhất về đặc điểm và kích thước với gạch cùng một loại chữ. Gạch hình thang có kích thước: (35-37 x 16,5-18,5 x 10,5-12,5)cm. Gạch hình chữ nhật có nhiều kích cỡ khác nhau nhưng về cơ bản trong khoảng các kích thước sau:

Loại	Kích thước	Chữ Hán
Loại 1	(30-39 x 11-18 x 9-14)cm	Hồ Uy quân, Chiêu Thắng quân, Tráng Phong quân, Đồng Đầu quân, Trung Uy quân, Phong quân, Tráng Vũ...
Loại 2	(30-39 x 19-20 x 8-10)cm	Trung Uy quân, Vũ Kỳ quân và Uy Kỳ quân
Loại 3	(32-34 x 16-17 x 9-10)cm	Tam Tự quân và Sùng Uy quân
Loại 4	(30 x 23 x 6)cm	Huyền Qua quân
Loại 5	(37-39 x 15-18 x 7-9)cm	Các chữ còn lại

1.2. Hơn một năm sau, tháng 8 năm Đinh Hợi (1467), niên hiệu Quang Thuận năm thứ 8 vua Lê Thánh Tông lại tiếp tục chinh đồn quân đội. Nội dung của đợt chinh đồn lần này là đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài đạo, xét định chế độ quân ngũ. Quân trong kinh có 66 ty, 51 vệ. Quân ngoài các đạo có 26 vệ. Lệ định số quân: mỗi ty 100 người, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở không nhất định, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998).

- Quân trong kinh: Có nói đến bốn vệ Hiệu lực thuộc quân trong kinh gồm Tiền vệ, Tả vệ, Hữu vệ và Hậu vệ, không có quân hiệu riêng, mỗi vệ đều đặt 5 sở: Trung, Tiền, Tả, Hữu và Hậu. Khảo cổ học phát hiện được 118 viên gạch chữ nhật, số ít là gạch hình thang có một ký tự chữ Hán mang tên của bốn vệ Hiệu lực trong kinh mà sử liệu ghi chép như Trung (中), Tiền (前), Hậu (後) Tả (左), Hữu (右), Hữu Tiền (右 前), Tả Hậu (左 後) (Hình 4, 5, 10). Những viên gạch in hai chữ Hữu Tiền, Tả Hậu có thể nhóm quân đội làm chung chứ không tách riêng từng nhóm hoặc tên hiệu mới mà sử liệu chưa ghi chép đến. Gạch khá thống nhất với các loại kích thước sau:

Loại	Kích thước
Loại 1	(35-40 x 15-20 x 11-15)cm
Loại 2	(? x 9-12 x 6-10)cm
Loại 3	(30-32 x 28-30 x 7-8)cm
Loại 4	(? x 17-22 x 5-10)cm

Gạch thuộc nhóm này có chung đặc điểm như chất liệu khá chắc chắn nhưng thô hoặc khá thô có nhiều tạp chất như sạn sỏi nhỏ. So với nhóm gạch trên thì gạch loại này có lẫn nhiều tạp chất sạn sỏi hơn. Màu sắc: Màu đỏ và màu xám, trong đó phổ biến màu xám. Gạch sản xuất bằng khuôn nhưng dường như kỹ thuật sản xuất chưa cao và không đồng đều. Trên nhiều cạnh viên

gạch thường để lại các vết nham nhở, cắt ngang ở cạnh hoặc cắt đứt dọc ở mặt sau. Kỹ thuật in chữ Hán cũng đa dạng về kiểu chữ và cách thức in. Chữ được in nổi hoặc in chìm không có khuôn viền ở đầu viên gạch và cạnh viên gạch. Sự đa dạng cũng cho thấy ở cùng một loại chữ có các kiểu chữ khác nhau như chữ Trung hoặc chữ Tiền. Ví dụ, chữ Trung (中) được in ở đầu hoặc cạnh viên gạch với ba dạng khuôn chữ khác nhau. Chữ in nổi, nét chữ vuông vắn cân đối ở chính giữa đầu viên gạch; Chữ in nổi, nét chữ không cân đối tạo hình tam giác, cạnh trên rộng, cạnh dưới nhỏ; Chữ in chìm, chữ nhỏ, không quy chuẩn, in lệch ở gần góc viên gạch.



Hình 4. Gạch in chữ: 中 (Trung)



Hình 5. Gạch in chữ: 前 (Tiền)



Hình 10. Gạch chữ nhật, thời Lê sơ

Địa điểm 36 Điện Biên Phủ

(Nguồn: Tác giả)

Như vậy, các chữ khác nhau nhưng cùng kiểu chữ cách in, nét chữ có thể thuộc cùng một đơn vị. So sánh kỹ thuật in khuôn chữ có thể nhận thấy tính thống nhất và đa dạng trong kỹ thuật sản xuất gạch và người thợ làm ra chúng. Tính thống nhất trong cách đặt tên gọi các sở quân dưới thời vua Lê Thánh Tông. Sự đa dạng phản ánh nhiều sở quân/nhiều nhóm thợ khác nhau sản xuất. Qua đó phản ánh đúng nguồn sử liệu đã đề cập về đợt bổ sung thêm quân trong kinh bốn vệ Hiệu lực là Tiền vệ, Tả vệ, Hữu vệ và Hậu vệ, không có quân hiệu riêng, mỗi vệ đều đặt 5 sở: Trung, Tiền, Tả, Hữu và Hậu. Có thể gạch thuộc nhóm này do nhóm quân đội mới được bổ sung chưa có kinh nghiệm mà cần người có sức khỏe làm các công việc nặng như đóng gạch, loại gạch có kích thước lớn. Đặc trưng của gạch phản ánh điều đó và những viên gạch này được sản xuất trước năm 1467.

- Quân ngoại đạo đặt thêm gồm có đô ty Thanh Hóa, Tuyên Quang, Thuận Hóa, An Bang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Dưới các đô ty có các vệ, dưới vệ có sở nhưng số vệ, sở của mỗi đô ty không đều nhau. Các phát hiện khảo cổ học cho biết có khoảng 20 viên gạch xác định được thuộc đội quân ngoại đạo như gạch có chữ 楊武軍 (Dương Vũ quân) thuộc vệ Bình Sơn, 雄捷 (Hùng Tiệp) thuộc vệ Tĩnh Tây đóng quân tại đô ty Tuyên Quang (Hình 6). Gạch in chữ 崇威軍 (Sùng Uy quân) là tên phiên hiệu quân đội sở Sùng Uy, vệ Lưu Thủ thuộc đô ty Thanh Hóa. Nhóm gạch này đều phát hiện được ở địa điểm 18 Hoàng Diệu. Gạch hình chữ nhật, màu đỏ, kích thước trong khoảng: (30.5 x 17-20 x 8-10)cm. Gạch mang các đặc điểm về chất liệu, màu sắc, kỹ thuật chế tác tương tự nhóm gạch liên quan đến tên các phiên hiệu quân đội trong đợt sắp xếp quân đội năm 1466 đề cập ở trên.



Hình 6. Gạch in chữ 楊武軍 (Dương Vũ quân)

Địa điểm 18 Hoàng Diệu

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

1.3. Trên một số viên gạch phản ánh đơn vị biên chế trong quân đội như gạch khắc tay trực tiếp chữ 鐵剛五伍 (Thiết Cương ngũ ngũ) ở 18 Hoàng Diệu. Ngũ (伍) là đơn vị nhỏ nhất trong quân đội được nhà Lê áp dụng. Tên đơn vị biên chế trong quân đội cổ, 5 người là một ngũ. Thiết Cương ngũ ngũ (Ngũ thứ 5 Thiết Cương) (Ngô Văn Cường 2021).

1.4. Ngoài các viên gạch xác định được phiên hiệu, đơn vị còn khá nhiều viên gạch có chữ Hán nhưng chưa xác định được nội dung. Tuy nhiên, căn cứ vào kích thước, kỹ thuật in khuôn, màu sắc, chất liệu, kiểu chữ Hán cho thấy các chữ Hán đều liên quan đến các đợt sắp xếp chỉnh đốn quân và bổ sung quân dưới triều Lê sơ. Đây là nguồn tư liệu quan trọng cung cấp những bằng chứng mới góp phần làm phong phú và hiểu thêm về tên các phiên hiệu quân đội nhà Lê sơ mà nguồn sử liệu không ghi chép đến. Nhóm gạch này chủ yếu là gạch chữ nhật in/khắc từ một đến bốn chữ Hán. Gạch có các chữ: Bội, Bảo, Phi, Dũng, Phong, Vĩnh có thể liên quan đến đội quân thuộc bốn vệ Hiệu Lực trong kinh. Gạch có các chữ: 田軍 (Điền quân), 忠武 (Trung Vũ), 壯武 (Tráng Vũ), Uy Vũ, Chân Ma Giáp, Đinh Vũ quân, Hồ Phong quân, Phạm Ba quân, Thiệu Phong [quân], 武鋒軍 (Vũ Phong quân), 武成[軍] (Vũ Thành [quân]), 威騎軍 (Uy Kỵ quân), 雄备軍 (Hùng Bị quân) (Hình 8), Thiết Đinh quân, Trú Tác nhất đô và chữ 三字軍 (Tam Tự quân) (Hình 7).



**Hình 7. Gạch in chữ
三字軍 (Tam Tự quân)**



**Hình 8. Gạch vuông in chữ
雄备軍 (Hùng Bị quân), thời Lê sơ**

Địa điểm 36 Điện Biên Phủ (Nguồn: Tác giả)

1.2. Gạch chữ Hán phản ánh nội dung về địa danh

Tại Hoàng thành Thăng Long còn phát hiện được những viên gạch chữ nhật ở rìa cạnh có in chìm chữ “Thu Vật huyện” với các chữ cụ thể như: Thu Vật huyện, Thùy Đinh hương (hương Thùy Đinh huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Thu Vật hương (hương Thu Vật, huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Hoàng [] hương (hương Hoàng [], huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Cá Lăng hương (hương Cá Lăng, huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Nhân Khảm hương (hương Nhân Khảm, huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Mộc Độc hương (hương Độc Mộc, huyện Thu Vật), Thu Vật huyện, Vũ Linh hương (hương Vũ Linh, huyện Thu Vật). Gạch có kích thước trong khoảng: (38-42 x 23-25 x 8-11)cm. Chất liệu đan chắc, mịn, màu đỏ (Hình 9).

Theo *Dại Nam Nhất Thống Chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn 1971) và *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú 2007), huyện Thu Vật là địa danh hành chính có từ thời Trần. Thời Thuộc Minh vẫn theo như thế. Đầu thời Lê gọi là châu Thu Vật là một trong 5 châu thuộc huyện Phúc Yên, phủ Yên Bình, trấn Tuyên Quang, đến năm 1466 đặt làm thừa tuyên Tuyên Quang. Châu Thu Vật có 38 xã nhưng không nói cụ thể tên xã. Gạch có chữ Thu Vật huyện phản ánh địa danh có từ thời Trần nhưng căn cứ theo kích thước, màu sắc, kỹ thuật chế tác và kiểu ký tự chữ Hán cho thấy gạch được làm thời Lê sơ. Xét về mặt sử liệu, thời thuộc Minh vẫn sử dụng tên huyện Thu Vật nhưng sang đầu thời Lê không rõ khoảng thời gian nào đổi làm châu Thu Vật. Có lẽ khoảng thời gian này những người dân địa phương sử dụng tên gọi cũ là huyện Thu Vật (Thu Vật huyện) ghi trên gạch chăng?. Theo dòng sử liệu, năm 1428, Lê Thái Tổ lên ngôi lập ra triều đại nhà Lê. Năm 1465, hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức được xây dựng. Đây cũng là thời kỳ nhiều công trình xây dựng ở kinh đô Thăng Long. Viên gạch có chữ (Thu Vật huyện, Thu Vật hương) cũng phát hiện thấy trong địa tầng thời Lê sơ ở điện Kính Thiên. Do vậy những viên gạch này sản xuất cùng năm hoặc trước năm 1465. Gạch được làm cẩn thận, nhẵn mịn, vuông thành sắc cạnh, kỹ thuật cao, độ nung đều lửa, màu đỏ đều. Sự xuất hiện của những viên gạch “Thu Vật huyện” ở Thăng Long có thể đây là những sản phẩm của các địa phương được cung tiến/đóng góp xây dựng. Việc phát hiện những viên gạch có chữ “Thu Vật huyện” cung cấp thêm thông tin về các địa danh cấp xã ở huyện/châu Thu Vật mà nguồn sử liệu chưa ghi chép như các hương Cá Lăng, Thùy Đình, Độc Mộc, Thu Vật, Vũ Linh và Nhân Khâm. Tại Thăng Long cũng phát hiện được 2 viên gạch do đội quân Dương Vũ quân, Hùng Tiệp của đô ty Tuyên Quang sản xuất. Sự có mặt của những viên gạch “Thu Vật huyện” bổ sung đóng góp của các địa phương ở Tuyên Quang trong việc xây dựng kinh đô Thăng Long.



Hình 9. Gạch in chữ 收物縣仁坎鄉
(Thu Vật huyện, Nhân Khâm hương)
Địa điểm 36 Điện Biên Phủ
(Nguồn: Tác giả)

1.3. Gạch chữ Hán phản ánh nội dung về số thứ tự, số đếm

Có thể là chỉ vị trí định vị trong kiến trúc, số lượng vật liệu hoặc người tham gia. Ví dụ, các chữ như chữ 三 (tam), 三百 (tam bách).

1.4. Gạch chữ Hán phản ánh nội dung về ngày tháng nhưng hiếm thấy ghi năm. Ví dụ, các chữ 十月 (Thập nguyệt), 十月二 (Thập nguyệt nhị) ở điện Kính Thiên.

2. Nghiên cứu đối sánh với tư liệu địa tầng ở Thăng Long và Lam Kinh

Những viên gạch có chữ Hán thời Lê sơ nêu trên được củng cố thêm bởi khi so sánh với gạch trong một số vết tích kiến trúc tại hồ khai quật Hoàng thành Thăng Long (khu vực Chính điện Kính Thiên, 18 Hoàng Diệu và 36 Điện Biên Phủ) và di tích lăng mộ Lam Kinh - Tây Kinh ở Thanh Hóa.

Tại Thăng Long, gạch trong các vết tích kiến trúc thời Lê sơ tương đối đồng nhất về kích thước và các đặc điểm cơ bản theo phân loại nói trên trong khi kích thước gạch trong vết tích thời Lê Trung hưng có phần nhỏ hơn. Có thể thấy qua một vài ví dụ sau. Thời Lê sơ, dấu tích sân nền (sân Đan Trì) lát gạch vuông và gạch xây bó chân móng và thân tường ở điện Kính Thiên là loại gạch có kích thước và đặc điểm chung với nhóm gạch chữ Hán thời Lê sơ. Gạch vuông có kích thước: (38-43 x 38-43 x 5-8)cm, gạch chữ nhật: (34-39 x 17-19 x 11-13)cm; (24-38 x 14-18 x 8-10)cm; (40 x 25 x 12)cm. Đáng chú ý, trong đó có viên gạch “Thu Vật hương, Thu Vật huyện” niên đại thời Lê sơ. Trong khi đó, dấu tích sân Đan Trì thời Lê Trung hưng, được lát bằng gạch chữ nhật có kích thước nhỏ hơn, kích thước trung bình (28-35 x 15-16 x 14-15)cm (Tổng Trung Tín và cộng sự 2013). So với gạch thời Lê sơ thì gạch ở đây có kích thước nhỏ hơn khác với loại gạch chữ Hán thường có kích thước lớn hơn. Gạch gia cố bó vữa hai bên chân móng tường thành thời Lê Trung hưng tại 36 Điện Biên Phủ có kích thước nhỏ hơn thời Lê sơ. Gạch chữ nhật có kích thước: (24-36 x 18-19 x 11-14)cm; (30-37 x 16-19 x 5-8)cm. Tuy nhiên cũng có trường hợp di tích được xác định niên đại thời Lê Trung hưng nhưng đối chiếu với gạch chữ Hán phân loại ở trên cho thấy gạch có niên đại thời Lê sơ như trường hợp di tích giếng nước hồ B12 tại địa điểm 18 Hoàng Diệu. Di tích xuất hiện lần các lớp kiến trúc chồng chéo, xếp lớp đan xen lẫn lớp nền, tường, cống rãnh... Gạch xây chủ yếu là gạch còn nguyên dáng với màu đỏ và màu xám, kích thước mang đặc trưng thời Lê sơ: (35-39 x 16-19 x 13-15)cm và loại gạch mỏng hơn: (36-40 x 18-19 x 10-11)cm. Như vậy, giếng được xây dựng bằng gạch thời Lê sơ nhưng sử dụng thời nào thì không rõ.

Tại Lam Kinh, song song với việc xây dựng các công trình kiến trúc ở Thăng Long là Đông Kinh, nhà Lê sơ đã xây dựng các điện Quang Đức, Sùng Hiếu, Diễn Khánh và Thừa Hoa ở quê hương Tây Kinh (Lam Kinh, Thanh Hóa) và lăng mộ vào các năm 1433, 1448, 1456 và 1496. Do tập trung nhân lực và vật lực vào xây dựng Đông Kinh nên việc huy động quân đội xây dựng các điện miếu và lăng mộ ở Tây Kinh không nhiều. Những phát hiện khảo cổ học cho thấy ngoài một số nội dung về tên người, chữ số chỉ vị trí kiến trúc, gạch có chữ Hán nội dung phản ánh về phiên hiệu quân đội rất ít, hiện mới thấy có tên một số chữ như 靜波軍 (Tĩnh Ba quân) và 右軍 (Hữu quân). Gạch có chữ 靜波軍 (Tĩnh Ba quân) chưa rõ thuộc biên chế phiên hiệu quân đội nào. Gạch có chữ 右軍 (Hữu quân) có thể thuộc đội quân vệ Hiệu Lực ở Đông Kinh Thăng Long đợt bổ sung quân đội năm 1467. Những viên gạch vuông lát nền không trang trí hoa văn, màu đỏ, kích thước trong khoảng (39-49 x 39-47 x 7-10)cm, số ít có kích thước nhỏ (33-36 x 33-36 x 6)cm hoặc to (50 x 50 x 12)cm được sử dụng lát nền phía Đông Chính điện, nền Thái Miếu số 2, nền Nghi Môn, nền Tả Vũ (Nguyễn Văn Đoàn 2015). Gạch chữ nhật xây móng tòa chính điện, tòa Thái Miếu số 2 và Nghi Môn có nhiều kích thước khác nhau nhưng về cơ bản có ba loại kích thước khá tương đồng với gạch cùng loại ở Thăng Long: (43-46 x 23-26 x 6-11)cm, (23-39 x 14-17 x 5-10)cm,

(40-45 x 14-18 x 11-14)cm. Sự tương đồng còn cho thấy về chất liệu, màu sắc và kỹ thuật chế tác gạch (Ngô Thị Lan 2019).

3. Trao đổi và kết luận

- Gạch chữ Hán thời Lê sơ phản ánh tính truyền thống và sự khác biệt trong truyền thống sản xuất gạch ngói Thăng Long nói riêng và Việt Nam nói chung. Gạch có ký tự chữ Hán có mặt từ thời Đại La đến thời Nguyễn. Tuy nhiên mỗi thời mang đặc trưng riêng mà thời Lê sơ là sự khác biệt. Nội dung chữ Hán ghi phiên hiệu quân đội xuất hiện trên gạch thời Đại La với chữ Giang Tây quân, Giang Tây chuyên là sản phẩm của đội quân Giang Tây (Trung Quốc) xây thành đắp lũy thời Đường. Chữ Hán mang nội dung các phiên hiệu, định chế, đơn vị quân đội trong kinh thành, quân bên ngoài các đạo ở các địa phương khác nhau hiện nay mới chỉ thấy trên gạch thời Lê sơ xây dựng kiến trúc Thăng Long - kinh đô nước Đại Việt.

- Nội dung chữ Hán trên gạch thời Lê sơ đã cung cấp thêm nhiều thông tin nguồn tư liệu mà sử liệu chưa ghi chép đến như các địa danh về hành chính, tên các phiên hiệu quân đội và xác định rõ hơn niên đại mà sử liệu không ghi chép đến. Sự có mặt của những viên gạch này khẳng định vị trí trung tâm của Hoàng thành Thăng Long trong lịch sử.

- Những viên gạch có chữ Hán thời Lê sơ là những vật chuẩn để xác định niên đại cho loại hình cùng loại không có hoa văn và không ký tự chữ Hán thế kỷ XV - XVIII. Việc phân loại và xác định niên đại dựa vào những viên gạch có ký tự chữ Hán là một trong những tiếp cận đúng khi phân loại và xác định niên đại cho các loại gạch cùng loại hiện nay. Trong đó, kích thước là yếu tố quan trọng góp phần phân loại và xác định niên đại. Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy xóa bỏ định kiến phân loại gạch trước đây là dựa trên việc quan sát gạch nhẵn mịn, vuông thành sắc cạnh là gạch thời Lê sơ. Ngược lại, gạch mang đặc trưng ghồ ghề, ít vuông thành sắc cạnh là gạch thời Lê Trung hưng. Tuy nhiên cũng cần nói thêm rằng việc tái sử dụng vật liệu của thời trước ở thời muộn hơn là rất phổ biến trong các di tích kiến trúc. Nhận diện những viên gạch được thay thế vào những vị trí được sửa chữa là không hề đơn giản trong bối cảnh các vết tích kiến trúc đã bị phá hủy rất nhiều.

- Kết quả nghiên cứu góp phần nhận diện rõ hơn móng nền kiến trúc thời Lê sơ. Gạch có kích thước lớn chứng tỏ móng, nền vững chắc, kiến trúc to lớn bề thế. Gạch thời Lê sơ nhiều loại hình và đa dạng kích thước phản ánh kết cấu kiến trúc đa dạng, cầu kỳ. Việc vua Lê Thánh Tông đã huy động công sức của nhiều tầng lớp, trong đó có quân đội vào việc xây dựng kiến thiết hoàn toàn mới các công trình kiến trúc ở Thăng Long góp phần phản ánh điều đó. Nhận định này có phần khác biệt với quan điểm các nhà nghiên cứu trước đó cho rằng quy mô móng cột thời Lê sơ

có xu hướng nhỏ nhẹ, đơn giản và móng cột thời Lê Trung hưng thường có kích thước lớn hơn, được xây dựng kiên cố hơn so với thời Lê sơ. (Tổng Trung Tín 2022; Phạm Văn Triệu, Bùi Văn Liêm 2024).

- Nghiên cứu gạch, đặc biệt là những viên gạch có ký tự chữ Hán phản ánh sự phân công lực lượng lao động trong xã hội và tính thống nhất trong tổ chức điều hành của trung ương với việc đóng góp của các địa phương vào việc xây dựng kinh đô Thăng Long thời Lê sơ. Trước hết về phân công lao động trong xã hội trong bối cảnh xây dựng nhiều công trình kiến trúc với quy mô lớn dưới thời vua Lê Thánh Tông. Gạch xây móng, lát nền có kích thước lớn, nặng, không quá cầu kỳ cần người thợ có sức khỏe làm nên việc huy động lực lượng quân đội là phù hợp. Trong khi đó ngói và vật liệu lợp mái phức tạp, cầu kì hơn (màu sắc, kỹ thuật chế tác, hoa văn trang trí...) đòi hỏi người thợ thủ công khéo léo từ các làng nghề ở các địa phương khác nhau. Qua đó cho thấy việc huy động tổng lực mọi tầng lớp trong xã hội để xây dựng kinh đô. Tính thống nhất trong tổ chức điều hành của trung ương với việc đóng góp của các vùng miền địa phương khác nhau cũng được thể hiện rõ. Qua gạch chữ Hán cho thấy tên các đơn vị hành chính ở vùng miền khác nhau góp sức xây dựng Thăng Long như Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Sách, An Bang, Thiên Trường, Thuận Hóa, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hưng Hóa và Tuyên Quang. Quân trong kinh và quân ngoại đạo cũng được sắp xếp riêng. Gạch được sản xuất từ nhiều đội quân đến từ các vùng miền khác nhau nhưng nghiên cứu gạch chữ Hán cho thấy tính thống nhất về kỹ thuật chế tác, chất liệu, màu sắc, loại hình. Qua đó phản ánh việc tổ chức quy củ, nghiêm ngặt trong xây dựng công trình kiến trúc Thăng Long thời Lê sơ.

Chú thích:

Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số KHXH/NV/2025-36: “*Nghiên cứu gạch, ngói thế kỷ XV-XVIII ở kinh đô Thăng Long qua các phát hiện khảo cổ học đến năm 2025*”, do Viện Khảo cổ học chủ trì thực hiện, TS. Ngô Thị Lan làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU DẪN

- ĐỖ VĂN NINH 2006. Những viên gạch kể chuyện mình. Trong *Hoàng thành Thăng Long*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội: 139-159.
- NGÔ THỊ LAN 2019. *Gạch, ngói thế kỷ XV-XVIII ở Bắc Việt Nam*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- NGÔ VĂN CƯỜNG 2021. Gạch chữ Hán thời Lê sơ tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Trong *Kinh thành cổ Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 212-234.
- NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN 2008. Gạch Thu vật huyện. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2007*. Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 391-392.
- NGUYỄN THẮNG, THÂN VĂN TIẾP 2020. Góp phần nghiên cứu minh văn ghi quan phủ thời Lê trên vật liệu kiến trúc ở miền Bắc Việt Nam. Trong *Khảo cổ học*, số 3: 92-100.
- NGUYỄN VĂN ĐOÀN 2015. *Lam Kinh khám phá từ lòng đất*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- PHẠM LÊ HUY, ĐỖ ĐỨC TUỆ 2017. Viên gạch "Phùng Thánh vệ Ninh Nhuệ Trung Thánh Dực quân" phát hiện tại khu vực điện Kính Thiên năm 2013 - 2014. Trong *Thông tin di sản*. Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long-Hà Nội: 50 - 55.

PHẠM VĂN TRIỆU, BÙI VĂN LIÊM 2024. Nghiên cứu quy mô cấu trúc các di tích kiến trúc thời Lê tại Hoàng thành Thăng Long. Trong *Khoa học xã hội*, số 6: 86.

PHAN HUY CHÚ 2007. Lịch triều hiến chương loại chí. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN 1971. Đại Nam Nhất thống chí. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN 1998. Khâm định Việt sử thông giám cương mục-chính biên. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

TỔNG TRUNG TÍN 2022. Tổng quan kết quả 20 năm khảo cổ học kinh đô Thăng Long (2002-2022) và 10 năm khảo cổ học khu vực không gian chính điện Kính Thiên (2011-2022). Trong Hội thảo khoa học quốc tế “*Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội)*”, ngày 8-9 tháng 9 năm 2022.

TỔNG TRUNG TÍN VÀ CỘNG SỰ 2013. Báo cáo kết quả khai quật thăm dò khảo cổ học tại khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long năm 2013. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

HAN-INSCRIBED BRICKS OF THE EARLY LÊ PERIOD IN THE THĂNG LONG CAPITAL

NGÔ THỊ LAN

Han-inscribed bricks dating to the Early Lê period, when examined in conjunction with historical sources, provide clear information on their provenance, chronology, production standards, the craftsmen who produced them, and a range of other significant and revealing details. These bricks also constitute an important body of reference material for identifying common characteristics that can be used to classify and date undecorated bricks and without inscription ones from the 15th to the 18th centuries.

Previous studies of Han-inscribed bricks from the Early Lê period have primarily focused on the content of the inscriptions, while comparatively little attention has been paid to their fundamental shared characteristics, such as dimensions, fabric, colour, manufacturing techniques, and typological features, which are crucial for classification and chronological attribution of related brick types.

This paper synthesises data from approximately 400 Han-inscribed bricks of the Early Lê period recovered from sites within the area of the Thăng Long capital. The research employs methods of data compilation and analysis, combined with comparative study against historical records, in order to investigate the informational content and core characteristics of these inscribed bricks. The analysis is further cross-referenced with stratigraphic evidence from architectural remains at several sites within Thăng Long, as well as with Han-inscribed bricks from sites outside the Thăng Long region, thereby contributing to a more comprehensive understanding of their characteristics and value.

The results of the study demonstrate encouraging progress in the classification and more precise dating of bricks, enable an assessment of the historical and archaeological significance of Han-inscribed bricks, and contribute to the identification of architectural foundation remains, as well as to a deeper understanding of the cultural history of Thăng Long during the Early Lê period.